

◇ MỤC TIÊU BÀI HỌC**1. Về kiến thức**

Học sinh nắm vững :

- Oxi và lưu huỳnh là những nguyên tố phi kim có tính oxi hoá mạnh, trong đó oxi là chất oxi hoá mạnh hơn lưu huỳnh.
- Hai dạng thù hình của nguyên tố oxi là oxi O_2 và ozon O_3 .
- Mối quan hệ giữa cấu tạo nguyên tử, độ âm điện, số oxi hoá của nguyên tố với những tính chất hoá học của oxi, lưu huỳnh.
- Tính chất hoá học cơ bản của hợp chất lưu huỳnh phụ thuộc vào trạng thái oxi hoá của nguyên tố lưu huỳnh trong hợp chất.
- Giải thích được các hiện tượng thực tế liên quan đến tính chất của lưu huỳnh và các hợp chất của nó.

2. Về kĩ năng

- Viết cấu hình electron nguyên tử của oxi và lưu huỳnh.
- Giải các bài tập định tính và định lượng về các hợp chất của lưu huỳnh.

◇ GỢI Ý TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**A. Kiến thức cần nắm vững**

- *Hoạt động 1.* Ôn tập về oxi và lưu huỳnh bằng cách cho HS trả lời các câu hỏi sau :
 - Hãy viết cấu hình electron của nguyên tử O và S và cho biết độ âm điện của oxi và lưu huỳnh.
 - Dựa vào cấu hình electron nguyên tử của oxi và lưu huỳnh, có thể dự đoán oxi và lưu huỳnh có tính chất hoá học cơ bản nào ? Dẫn ra những thí dụ phản ứng để minh hoạ.

- *Hoạt động 2.* Ôn tập về các hợp chất của lưu huỳnh bằng các câu hỏi sau :
 - Tính chất hoá học cơ bản của H_2S là gì ? Giải thích vì sao H_2S lại có các tính chất đó. Dẫn ra các thí dụ phản ứng để minh hoạ.
 - Vì sao SO_2 vừa có tính oxi hoá vừa có tính khử ? Dẫn ra những thí dụ phản ứng để minh hoạ.
 - Thành phần nào của phân tử H_2SO_4 đóng vai trò "chất oxi hoá" trong dung dịch H_2SO_4 loãng và trong dung dịch H_2SO_4 đặc ?

B. Bài tập

- *Hoạt động 3.* Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải các bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK.

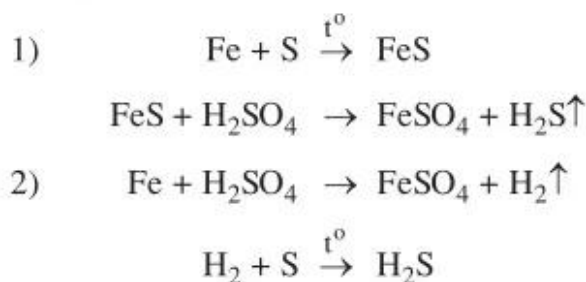
◇ HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP TRONG SGK

Bài 1. Đáp án D.

Bài 2. 1) Đáp án C.

2) Đáp án B.

Bài 4. Hai phương pháp điều chế H_2S từ sắt, lưu huỳnh, axit H_2SO_4 loãng :



Bài 5. Dùng que đóm còn than hồng để nhận biết khí O_2 . Còn lại 2 bình là H_2S và SO_2 mang đốt, khí nào cháy được là H_2S , khí không cháy là SO_2 .

Bài 6. Dùng $Ba(OH)_2$: Lấy mỗi dung dịch axit một ít cho vào ống nghiệm. Rỏ dung dịch $Ba(OH)_2$ vào các ống nghiệm đựng các axit đó. Có kết tủa trắng là ống đựng H_2SO_3 và H_2SO_4 , đó là kết tủa $BaSO_3$ và $BaSO_4$. Lấy dung dịch HCl còn lại rỏ vào các kết tủa. Kết tủa tan được trong dung dịch HCl và có bọt khí trong dung dịch là $BaSO_3$, kết tủa không tan được là $BaSO_4$.

